



Công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA

Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016



Công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA
Thông tin về Công ty

**Giấy phép Thành lập và
Hoạt động**

30/GP/KDBH	ngày 28 tháng 2 năm 2005
30/GPDC16/KDBH	ngày 19 tháng 12 năm 2013
30/GPDC18/KDBH	ngày 9 tháng 1 năm 2017

Giấy phép Thành lập và Hoạt động của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 30/GPĐC18/KDBH ngày 9 tháng 1 năm 2017. Giấy phép Thành lập và Hoạt động và các điều chỉnh do Bộ Tài chính cấp và có giá trị trong 50 năm.

Hội đồng Quản trị

Ông Ian Samuel Lydall	Chủ tịch
Ông Aidan Richard Pallister	Thành viên
Ông Đinh Nam Thắng	Thành viên
Ông Vincent Tan Boon Hon	Thành viên
Ông Lars Kjaer	Thành viên
Ông Muharrem Alp Altun	Thành viên (được bổ nhiệm tạm thời từ ngày 27 tháng 9 năm 2016)
Ông Duncan Victor Brain	Thành viên (từ nhiệm từ ngày 27 tháng 9 năm 2016)
Ông Stephen Charles Beatty	Thành viên (từ ngày 15 tháng 6 năm 2016)
Ông Jonathan Guy Delalande	Thành viên (đến ngày 15 tháng 6 năm 2016)

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Trâm Châu	Trưởng ban (từ ngày 14 tháng 12 năm 2016)
Bà Đinh Lệ Nhật Hằng	Trưởng ban (đến ngày 14 tháng 12 năm 2016)
Bà Đinh Lệ Nhật Hằng	Thành viên (từ ngày 14 tháng 12 năm 2016)
Bà Nguyễn Trâm Châu	Thành viên (đến ngày 14 tháng 12 năm 2016)
Bà Thái Thục Đan	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Stephen Charles Beatty	Tổng Giám đốc (từ ngày 4 tháng 3 năm 2016)
Ông Jonathan Guy Delalande	Tổng giám đốc (đến ngày 4 tháng 3 năm 2016)
Ông Huỳnh Kim Tự	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Tam Phúc	Phó Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA
Thông tin về Công ty (tiếp theo)

Trụ sở đăng ký An Phú Plaza
117 – 119 đường Lý Chính Thắng
Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty kiểm toán Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

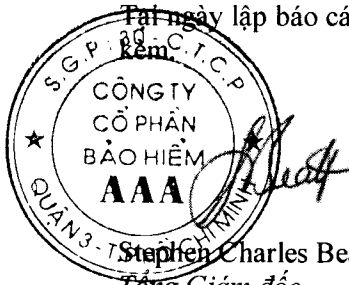
Công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bảo Hiểm AAA (“Công ty”) trình bày báo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 6 đến trang 59 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính chưa hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh chưa hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ chưa hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính



Stephen Charles Beatty
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2017



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84-8 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 30 tháng 03 năm 2017, được trình bày từ trang 6 đến trang 59.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

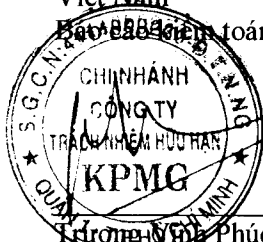


Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính chưa hợp nhất của Công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh chưa hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ chưa hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Kiểm toán số: 16-01-796



Trương Văn Phúc

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 1901-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Phạm Huy Cường

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 2675-2014-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2017

Công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12
năm 2016

Mẫu B 01 – DNPNT
(Ban hành kèm theo thông tư
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm
2012 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	31/12/2015 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN				
(100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150 + 190)	100		286.076.012.624	354.124.507.972
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	128.689.172.571	105.570.598.351
Tiền	111		8.689.172.571	22.570.598.351
Các khoản tương đương tiền	112		120.000.000.000	83.000.000.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5(a)	50.000.000.000	92.000.000.000
Đầu tư ngắn hạn	121		50.000.000.000	92.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		63.241.481.094	95.184.726.070
Phải thu của khách hàng	131	6(a)	30.041.315.278	48.679.214.750
<i>Phải thu về hợp đồng bảo hiểm</i>	131.1		28.321.930.425	44.403.694.820
<i>Phải thu khác của khách hàng</i>	131.2		1.719.384.853	4.275.519.930
Trả trước cho người bán	132		474.173.077	1.275.217.039
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	135	6(b)	143.439.031.806	148.393.015.327
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	6(d)	(110.713.039.067)	(103.162.721.046)
Hàng tồn kho	140		376.487.520	1.233.057.570
Hàng tồn kho	141		376.487.520	1.233.057.570
Tài sản ngắn hạn khác	150		21.967.414.378	27.338.914.556
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	7	21.256.206.968	21.839.415.513
<i>Chi phí hoa hồng chưa phân bổ</i>	151.1		20.053.159.386	19.479.147.452
<i>Chi phí trả trước ngắn hạn khác</i>	151.2		1.203.047.582	2.360.268.061
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		711.207.410	5.499.499.043
Tài sản tái bảo hiểm	190	17	21.801.457.061	32.797.211.425
Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	191		12.163.070.409	11.149.868.053
Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	192		9.638.386.652	21.647.343.372

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12
năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DNPNT
(Ban hành kèm theo thông tư
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm
2012 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	31/12/2015 VND
TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		227.711.935.319	293.794.012.914
Các khoản phải thu dài hạn	210		9.623.134.585	9.631.727.671
Phải thu dài hạn khác	218	6(c)	9.867.134.585	9.875.727.671
<i>Ký quỹ bảo hiểm</i>	218.1		6.000.000.000	6.000.000.000
<i>Phải thu dài hạn khác</i>	218.2		3.867.134.585	3.875.727.671
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	6(d)	(244.000.000)	(244.000.000)
Tài sản cố định	220		18.212.496.126	19.802.872.614
Tài sản cố định hữu hình	221	8	9.719.787.199	10.591.764.163
<i>Nguyên giá</i>	222		28.710.608.167	32.559.569.215
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(18.990.820.968)	(21.967.805.052)
Tài sản cố định vô hình	227	9	8.492.708.927	4.044.128.041
<i>Nguyên giá</i>	228		44.121.699.352	38.954.718.942
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(35.628.990.425)	(34.910.590.901)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	-	5.166.980.410
Bất động sản đầu tư	240	11	96.881.937.934	112.209.353.188
<i>Nguyên giá</i>	241		98.547.933.732	113.875.348.986
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		(1.665.995.798)	(1.665.995.798)
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5(b)	100.112.835.537	147.850.254.699
Đầu tư vào công ty con	251		122.250.000.000	122.250.000.000
Đầu tư dài hạn khác	258		29.437.500.000	33.804.500.000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259		(51.574.664.463)	(8.204.245.301)
Tài sản dài hạn khác	260		2.881.531.137	4.299.804.742
Chi phí trả trước dài hạn	261	12	2.881.531.137	4.299.804.742
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		513.787.947.943	647.918.520.886

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12
năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DNPNT
(Ban hành kèm theo thông tư
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm
2012 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	31/12/2015 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		336.220.704.203	336.681.179.439
Nợ ngắn hạn	310		333.980.309.663	334.451.176.995
Phải trả cho người bán	312	13	31.813.465.442	36.478.723.396
<i>Phải trả về hợp đồng bảo hiểm</i>	312.1		27.289.791.634	32.586.627.548
<i>Phải trả khác cho người bán</i>	312.2		4.523.673.808	3.892.095.848
Người mua trả tiền trước	313		4.874.747.722	2.916.328.452
Thuế phải nộp Nhà nước	314	14	6.220.513.122	4.489.099.517
Phải trả người lao động	315		3.883.195.013	4.060.655.767
Chi phí phải trả	316	15	11.016.899.116	11.390.534.768
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	319	16	26.357.924.999	28.677.401.821
<i>Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng</i>	319.1		3.884.309.659	3.476.950.656
Dự phòng nghiệp vụ	329	17	249.813.564.249	246.438.433.274
<i>Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm chưa được hưởng</i>	329.1		163.797.060.534	161.154.233.607
<i>Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm</i>	329.2		54.877.663.058	55.010.473.442
<i>Dự phòng dao động lớn</i>	329.3		31.138.840.657	30.273.726.225
Nợ dài hạn	330		2.240.394.540	2.230.002.444
Phải trả dài hạn khác	333		60.000.000	144.445.944
Dự phòng phải trả dài hạn	337		2.180.394.540	2.085.556.500
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		177.567.243.740	311.237.341.447
Vốn chủ sở hữu	410	18	177.567.243.740	311.237.341.447
Vốn cổ phần	411		812.949.650.000	812.949.650.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		67.502.652.000	67.502.652.000
Quỹ dự trữ bắt buộc	419		57.045.754	57.045.754
Lỗi lũy kế	421		(702.942.104.014)	(569.272.006.307)
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		513.787.947.943	647.918.520.886

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12
năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DNPNT
(Ban hành kèm theo thông tư
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm
2012 của Bộ Tài chính)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

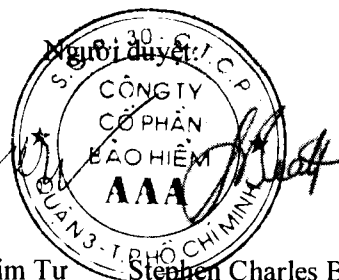
	31/12/2016	31/12/2015
	VND	VND
Hợp đồng bảo hiểm chưa phát sinh trách nhiệm bảo hiểm		
– phí bảo hiểm gốc	6.663.448.397	2.986.447.408
Ngoại tệ – USD	1.459.605.081	88.416.900

Ngày 30 tháng 03 năm 2017

Người lập:



Nguyễn Thị Quỳnh Trâm
Phó Giám đốc phụ trách Kế toán



Huỳnh Kim Tự
Giám đốc Tài chính

Stephen Charles Beatty
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho
năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 02 – DNPNT
(Ban hành kèm theo thông tư
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm
2012 của Bộ Tài chính)

Phần I - Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp

	Mã số	2016 VND	2015 VND
Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	10	257.606.954.391	297.108.323.184
Doanh thu hoạt động tài chính	12	10.379.568.738	12.954.938.397
Thu nhập khác	13	1.405.120.087	50.078.703
Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	20	224.128.007.305	198.135.665.487
Giá vốn bất động sản đầu tư	21	15.327.415.254	-
Chi phí hoạt động tài chính	22	44.194.997.950	949.443.801
Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	118.956.230.318	134.096.898.564
Chi phí khác	24	455.090.096	5.563.423.069
Lỗ kế toán trước thuế (50 = 10 + 12 + 13 – 20 – 21 – 22 – 23 – 24)	50	(133.670.097.707)	(28.632.090.637)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	-	-
Lỗ sau thuế TNDN (60 = 50 – 51 – 52)	60	(133.670.097.707)	(28.632.090.637)
Lỗ cơ bản trên cổ phiếu	70	(1.644)	(352)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho
năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 02 – DNPNT
(Ban hành kèm theo thông tư
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm
2012 của Bộ Tài chính)

Phần II - Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo hoạt động

	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND
Doanh thu phí bảo hiểm (01 = 01.1 + 01.2 – 01.3)	01	19	278.489.932.201	318.345.217.251
Trong đó:				
- <i>Phí bảo hiểm gốc</i>	01.1	19	280.207.643.171	266.670.109.996
- <i>Phí nhận tái bảo hiểm</i>	01.2	19	925.115.957	4.105.316.588
- <i>Tăng/(giảm) dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm chưa được hưởng</i>	01.3	17	2.642.826.927	(47.569.790.667)
Phí nhượng tái bảo hiểm (02 = 02.1 – 02.2)	02		27.455.826.918	27.473.188.509
Trong đó:				
- <i>Phí nhượng tái bảo hiểm</i>	02.1	20	28.469.029.274	26.323.799.662
- <i>Tăng/(giảm) dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm</i>	02.2	17	1.013.202.356	(1.149.388.847)
Doanh thu phí bảo hiểm thuần (03 = 01 – 02)	03		251.034.105.283	290.872.028.742
Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (04 = 04.1 + 04.2)	04		6.572.849.108	6.236.294.442
Trong đó:				
- <i>Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm</i>	04.1	16(i)	6.547.074.898	6.160.665.579
- <i>Doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm</i>	04.2		25.774.210	75.628.863
Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (10 = 03 + 04)	10		257.606.954.391	297.108.323.184
Chi bồi thường (11 = 11.1 – 11.2)	11	21	88.735.549.085	71.496.360.595
Trong đó:				
- <i>Tổng chi bồi thường</i>	11.1		88.747.434.143	71.537.250.595
- <i>Các khoản giảm trừ (thu đòi người thứ ba bồi hoàn và thu hàng đã xử lý bồi thường)</i>	11.2		11.885.058	40.890.000
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	12		13.280.415.075	3.981.993.339
Giảm dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	13	17	(132.810.384)	(984.899.667)
(Giảm)/tăng dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	14	17	(12.008.956.720)	5.910.331.042
Tổng chi bồi thường bảo hiểm (15 = 11 – 12 + 13 – 14)	15		87.331.280.346	60.619.136.547

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho
năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 02 – DNPNT
(Ban hành kèm theo thông tư
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm
2012 của Bộ Tài chính)

Phần II - Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo hoạt động (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND
Tăng dự phòng dao động lớn	16	17	2.526.637.301	2.444.516.271
Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (17 = 17.1 + 17.2)	17	22	134.270.089.658	135.072.012.669
Trong đó:				
- Chi hoa hồng bảo hiểm	17.1	7(i)	30.517.660.087	31.805.782.077
- Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	17.2		103.752.429.571	103.266.230.592
Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm (18 = 15 + 16 + 17)	18		224.128.007.305	198.135.665.487
Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (19 = 10 – 18)	19		33.478.947.086	98.972.657.697
Giá vốn bất động sản đầu tư	21	11	15.327.415.254	-
Lỗ từ hoạt động đầu tư bất động sản (22 = - 21)	22		(15.327.415.254)	-
Doanh thu hoạt động tài chính	23	23	10.379.568.738	12.954.938.397
Chi phí hoạt động tài chính	24	24	44.194.997.950	949.443.801
(Lỗ)/lợi nhuận gộp hoạt động tài chính (25 = 23 – 24)	25		(33.815.429.212)	12.005.494.596
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	118.956.230.318	134.096.898.564
Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 19 + 22 + 25 – 26)	30		(134.620.127.698)	(23.118.746.271)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho
năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

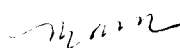
Mẫu B 02 – DNPNT
(Ban hành kèm theo thông tư
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm
2012 của Bộ Tài chính)

Phần II – Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo hoạt động (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND
Thu nhập khác	31		1.405.120.087	50.078.703
Chi phí khác	32	26	455.090.096	5.563.423.069
Lợi nhuận/(lỗ) khác (40 = 31 – 32)	40		950.029.991	(5.513.344.366)
Lỗ kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(133.670.097.707)	(28.632.090.637)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	27	-	-
Lỗ sau thuế TNDN (60 = 50 – 51 – 52)	60		(133.670.097.707)	(28.632.090.637)
Lỗ cơ bản trên cổ phiếu	70	28	(1.644)	(352)

Ngày 30 tháng 3 năm 2017

Người lập:



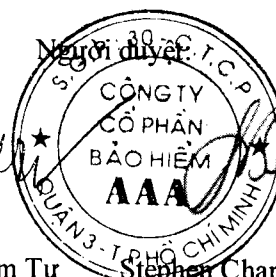
Nguyễn Thị Quỳnh Trâm
 Phó Giám đốc phụ trách Kế toán

Người duyệt:




Huỳnh Kim Tự
 Giám đốc Tài chính

Stephen Charles Beatty
 Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DNPNT
(Ban hành kèm theo thông tư
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm
2012 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2016 VND	2015 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lỗ trước thuế	01	(133.670.097.707)	(28.632.090.637)
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
Khấu hao và phân bổ	02	2.123.331.033	2.702.050.128
Các khoản dự phòng	03	105.377.621.541	(15.177.226.867)
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	4.975.618	78.593
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(11.582.141.545)	(12.746.576.583)
Lãi từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	(37.746.311.060)	(53.853.765.366)
Biến động các khoản phải thu và tài sản khác	09	3.611.943.889	17.276.643.103
Biến động hàng tồn kho	10	856.570.050	259.111.398
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(5.591.967.120)	(4.479.860.008)
Biến động chi phí trả trước	12	2.001.482.150	7.121.724.220
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(36.868.282.091)	(33.676.146.653)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(532.954.545)	(404.560.998)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	1.234.718.184	2.495.455
Tiền thu từ tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	24	42.000.000.000	51.000.000.000
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	4.367.000.000	1.726.716.444
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27	12.923.068.290	11.603.043.608
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	59.991.831.929	63.927.694.509

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

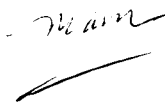
Công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DNPNT
(Ban hành kèm theo thông tư
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm
2012 của Bộ Tài chính)

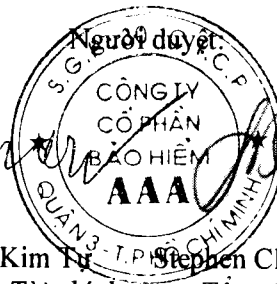
	Mã số	2016 VND	2015 VND
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30)	50	23.123.549.838	30.251.547.856
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	105.570.598.351	75.319.129.088
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61	(4.975.618)	(78.593)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh số 4)	70	128.689.172.571	105.570.598.351

Ngày 30 tháng 03 năm 2017

Người lập:



Nguyễn Thị Quỳnh Trâm
 Phó Giám đốc phụ trách Kế toán





Huỳnh Kim Tư Giám đốc Tài chính
 Stephen Charles Beatty Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết
thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 09 – DNPNT
(Ban hành kèm theo thông tư
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm
2012 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 30/GP/KDBH do Bộ Tài chính (“BTC”) cấp ngày 28 tháng 2 năm 2005 và sau đó được điều chỉnh lần gần đây nhất theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 30/GPDC18/KDBH ngày 9 tháng 1 năm 2017 do BTC cấp.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là cung cấp các sản phẩm bảo hiểm phi nhân thọ và thực hiện các hoạt động đầu tư.

(c) Chu kỳ hoạt động kinh doanh thông thường

Chu kỳ hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và 2015, Công ty có 2 công ty con, như sau:

- Công ty Cổ phần Bất động sản An Giang: Đây là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 1600948052 ngày 6 tháng 3 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp và sau đó được điều chỉnh theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ngày 5 tháng 2 năm 2012. Các hoạt động chính của công ty là đầu tư và kinh doanh các dự án bất động sản.
- Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tài chính Thiên Lang: Đây là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0102373995 ngày 25 tháng 9 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Các hoạt động chính của công ty là cung cấp các dịch vụ công nghệ thông tin trong lĩnh vực dịch vụ tài chính.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có một (1) Hội sở chính, một (1) văn phòng giao dịch chính và 48 chi nhánh tại các tỉnh và thành phố của Việt Nam (31/12/2015: một (1) Hội sở chính, một (1) văn phòng giao dịch chính và 50 chi nhánh).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có 470 nhân viên (31/12/2015: 624 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 (“Thông tư 232”) do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty cũng lập và phát hành riêng rẽ báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng nhất quán trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá trung bình của tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư vào các công ty con

Cho mục đích lập các báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào các công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 (“Thông tư 228”) do BTC ban hành và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 (“Thông tư 89”) do BTC ban hành sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 228. Theo đó, mức trích lập dự phòng bằng tổng vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế trừ (-) vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ vốn đầu tư của Công ty so với tổng vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế tại ngày báo cáo. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư theo Thông tư 228 và Thông tư 89. Theo đó, mức trích lập dự phòng bằng tổng vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế trừ (-) vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ vốn đầu tư của Công ty so với tổng vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế tại ngày báo cáo. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu về hợp đồng bảo hiểm và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được ghi nhận dựa trên tình trạng quá hạn của các khoản nợ hoặc các khoản lỗ dự kiến đối với các khoản nợ chưa đến hạn, có thể phát sinh khi một tổ chức kinh tế bị phá sản hoặc thanh lý; hoặc đối tượng vay nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị truy tố, ở tù, chờ thi hành án hoặc đã qua đời.

Dự phòng các khoản phải thu khó đòi dựa trên tình trạng quá hạn được lập theo Thông tư 228 như sau:

<i>Tình trạng quá hạn</i>	<i>Tỷ lệ dự phòng</i>
Từ sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

Việc lập dự phòng phải thu khó đòi dựa trên các khoản lỗ dự kiến đối với những khoản nợ trong hạn được quyết định bởi Ban Giám đốc Công ty sau khi xét đến khả năng thu hồi của các khoản nợ này.

(e) Chi phí hoa hồng chưa phân bổ

Chi phí hoa hồng cho hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm được ghi nhận và phân bổ theo phương pháp trích lập dự phòng phí bảo hiểm chưa được hưởng được trình bày trong Thuyết minh 3(m)(i). Số dư của chi phí hoa hồng chưa phân bổ tại ngày báo cáo phản ánh chi phí hoa hồng tương ứng với doanh thu phí bảo hiểm chưa được hưởng.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nâng cấp tài sản thuê	4 năm
▪ thiết bị máy vi tính	4 – 5 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 5 năm
▪ tài sản cố định hữu hình khác	4 – 15 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp và được thể hiện theo nguyên giá. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Không trích khấu hao cho quyền sử dụng đất vô thời hạn.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 đến 4 năm.

(h) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các phần mềm máy vi tính chưa hoàn tất cài đặt. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình cài đặt.

(i) Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được phản ánh theo giá gốc trừ đi các khoản giảm giá trị theo giá thị trường. Giá trị ghi sổ của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá sẽ được ghi giảm nếu có bằng chứng cho thấy giá thị trường của bất động sản đầu tư giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của bất động sản này và giá trị khoản tổn thất có thể được xác định một cách đáng tin cậy. Khoản ghi giảm giá trị của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được tính vào giá vốn bất động sản đầu tư.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1,5 đến 3 năm.

(k) Các khoản phải trả về hợp đồng bảo hiểm và phải trả khác

Các khoản phải trả về hợp đồng bảo hiểm và phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Công ty.

Dự phòng trợ cấp thôi việc phải trả cho người lao động đủ điều kiện tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 được tính dựa trên số năm làm việc của người lao động, là tổng số năm làm việc của người lao động trừ đi số năm mà người lao động tham gia và đóng góp vào bảo hiểm thất nghiệp theo luật và quy định hiện hành và khoảng thời gian mà Công ty đã trả trợ cấp thôi việc (nếu có) và tiền lương bình quân của người lao động trong 6 tháng trước khi kết thúc kỳ kế toán năm.

(m) Dự phòng nghiệp vụ

Dự phòng nghiệp vụ được lập theo các quy định và hướng dẫn trong Thông tư số 125/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 7 năm 2012 (“Thông tư 125”) do BTC ban hành hướng dẫn chế độ tài chính đối với doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài và Công văn số 4077/BTC-QLBH ngày 30 tháng 3 năm 2015 (“Công văn 4077”) do BTC ban hành chấp thuận phương pháp tính dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm của Công ty từ năm 2015. Dự phòng nghiệp vụ của Công ty bao gồm:

(i) Dự phòng phí chưa được hưởng

Dự phòng phí chưa được hưởng là khoản dự phòng cho phần phí bảo hiểm tương ứng với phần rủi ro mà Công ty phải gánh chịu sau ngày báo cáo và được hạch toán là một khoản nợ phải trả trong bảng cân đối kế toán. Dự phòng phí chưa được hưởng được tính theo phương pháp hệ số của thời hạn hợp đồng bảo hiểm dựa trên tỷ lệ phí bảo hiểm chưa được hưởng theo phương pháp mỗi ngày (1/365) ngoại trừ sản phẩm bảo hiểm Dự nợ tín dụng (“LPI”). Dự phòng phí chưa được hưởng cho sản phẩm LPI được tính toán sử dụng phương pháp 78 theo hướng dẫn trong Công văn 4077.

Dự phòng phí chưa được hưởng được tính toán và trình bày riêng cho phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm và cho phí nhượng tái bảo hiểm.

(ii) Dự phòng bồi thường

Dự phòng bồi thường bao gồm dự phòng bồi thường cho tổn thất đã được thông báo nhưng chưa được giải quyết và dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa thông báo.

Dự phòng bồi thường cho tổn thất đã phát sinh nhưng chưa được giải quyết là số tiền bồi thường ước tính cho từng vụ tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm đã thông báo hoặc đã yêu cầu bồi thường đến ngày báo cáo nhưng chưa được giải quyết, trừ đi khoản tiền đã thanh toán cho yêu cầu bồi thường này.

“Các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa thông báo” (“IBNR”) là các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa được thông báo cho công ty bảo hiểm tại ngày báo cáo. Dự phòng IBNR được trích lập theo hướng dẫn trong Công văn 4077 với tỷ lệ 3% của doanh thu phí bảo hiểm giữ lại trong năm tài chính (2015: 3%).

Dự phòng bồi thường được tính toán và trình bày riêng cho hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc, nhận tái bảo hiểm và cho nhượng tái bảo hiểm.

(iii) Dự phòng dao động lớn

Dự phòng dao động lớn được trích lập cho đến khi quỹ dự phòng này đạt 100% phí bảo hiểm giữ lại của năm tài chính hiện hành và được trích lập dựa trên doanh thu phí bảo hiểm giữ lại và kinh nghiệm của Ban giám đốc Công ty về dữ liệu quá khứ. Theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 19 – Hợp đồng Bảo hiểm (“VAS 19”), các yêu cầu đòi bồi thường phát sinh từ các hợp đồng bảo hiểm không tồn tại tại thời điểm lập báo cáo tài chính thì không cần thiết phải trích lập dự phòng. Tuy nhiên, Bộ Tài chính hiện chưa ban hành các hướng dẫn chi tiết cho việc áp dụng VAS 19 nên dự phòng dao động lớn được Công ty trích lập theo hướng dẫn trong Công văn 4077 theo tỷ lệ 1% doanh thu phí bảo hiểm giữ lại trong năm tài chính (2015: 1%).

(n) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận bằng mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Thặng dư vốn cổ phần

Khi nhận được vốn từ các cổ đông, chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu được ghi nhận vào tài khoản thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

(o) Quỹ dự trữ bắt buộc

Quỹ dự trữ bắt buộc được trích lập hàng năm từ lợi nhuận sau thuế theo tỷ lệ 5% và được trích lập cho đến khi số dư của quỹ dự trữ bắt buộc bằng 10% vốn điều lệ của Công ty. Quỹ dự trữ bắt buộc không được phép phân phối và được ghi nhận như là một phần của vốn chủ sở hữu.

(p) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và phải thu.

(ii) *Nợ phải trả tài chính*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
 - được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

(q) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ riêng của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(r) Doanh thu phí bảo hiểm

Doanh thu phí bảo hiểm được ghi nhận theo các quy định trong Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 1 tháng 7 năm 2016 do Chính phủ Việt Nam ban hành, Thông tư 125 và Thông tư số 194/2014/TT-BTC ngày 17 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành nhằm sửa đổi và bổ sung một số điều của Thông tư 125. Doanh thu phí bảo hiểm được ghi nhận khi hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực (khi rủi ro bảo hiểm được xác lập) cho hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc hoặc khi nhận được xác nhận thanh toán tái bảo hiểm từ các công ty nhượng tái bảo hiểm cho hoạt động nhận tái bảo hiểm. Khoản doanh thu này bao gồm phí bảo hiểm phải thu đến hạn và không bao gồm doanh thu phí bảo hiểm nhận được trước ngày đến hạn và phí bảo hiểm phải thu bị quá hạn hơn 30 ngày.

Trong trường hợp rủi ro đã được hủy bỏ và hoàn trả phí bảo hiểm là cần thiết, doanh thu phí bảo hiểm đã ghi nhận được điều chỉnh bằng cách trừ số tiền hoàn phí bảo hiểm phát sinh một cách phù hợp.

(s) Doanh thu từ hoạt động đầu tư

(i) Doanh thu từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(ii) Doanh thu từ cổ tức

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu.

(t) Hoạt động tái bảo hiểm

(i) Nhận tái bảo hiểm

Doanh thu và chi phí liên quan đến nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi nhận được xác nhận thanh toán về tái bảo hiểm từ bên nhượng tái bảo hiểm.

Chi phí hoa hồng nhận tái bảo hiểm được ghi nhận theo chính sách kế toán được trình bày tại Thuyết minh 3(e).

(ii) Nhượng tái bảo hiểm

Phí nhượng tái bảo hiểm theo hợp đồng tái bảo hiểm cố định và tái bảo hiểm tạm thời được ghi nhận khi doanh thu phí bảo hiểm gốc nằm trong phạm vi thỏa thuận hợp đồng nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận.

Khoản thu hồi từ nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận khi có bằng chứng hiện hữu về việc phát sinh trách nhiệm của bên nhận tái bảo hiểm.

Doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp trích lập dự phòng phí chưa được hưởng được trình bày tại Thuyết minh 3(m)(i). Số dư hoa hồng nhượng tái bảo hiểm chưa được hưởng tại ngày báo cáo phản ánh doanh thu hoa hồng tương ứng với phần phí chưa được hưởng.

(u) Chi phí bồi thường bảo hiểm

Chi phí bồi thường và chi phí giám định tổn thất được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi các sự kiện được bảo hiểm xảy ra. Chi phí bồi thường, chi phí giám định tổn thất được ghi nhận trong năm tài chính dựa trên số tiền bồi thường ước tính cuối cùng và các chi phí giám định tổn thất có liên quan.

Những thay đổi trong ước tính chi phí bồi thường (chi phí giám định tổn thất và bồi thường) phát sinh từ việc thường xuyên rà soát lại, và chênh lệch giữa các ước tính bồi thường phải trả với số tiền thực phải thanh toán bồi thường bảo hiểm được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm khi mà các ước tính đó bị thay đổi hay các khoản thanh toán đó được thực hiện.

Các khoản thu đòi bồi thường, như thanh lý tài sản tổn thất đã xử lý bồi thường hoặc thu đòi bên thứ ba bồi hoàn, được đánh giá theo giá trị thực tế có thể thực hiện được và được ghi nhận là các khoản giảm trừ cho chi phí bồi thường bảo hiểm trong năm.

(v) Chi phí khai thác bảo hiểm

Toàn bộ các chi phí khai thác bảo hiểm ngoại trừ chi phí hoa hồng từ việc phát hành mới hoặc tái tục hợp đồng bảo hiểm được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

(w) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(x) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (“EPS”) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

(y) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới các nhà đầu tư và công ty mẹ cấp cao nhất và các công ty con và công ty liên kết của các công ty này.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2016	31/12/2015
	VND	VND
Tiền mặt	1.140.655.000	916.018.900
Tiền gửi ngân hàng	5.979.750.045	20.875.688.325
Tiền đang chuyển	1.568.767.526	778.891.126
Các khoản tương đương tiền	120.000.000.000	83.000.000.000
Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	128.689.172.571	105.570.598.351

5. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2016	31/12/2015
	VND	VND
Tiền gửi VND tại các ngân hàng có kỳ hạn gốc từ trên 3 tháng đến 1 năm	50.000.000.000	92.000.000.000
	31/12/2016	31/12/2015
Lãi suất năm của tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng	4,8% - 6,0%	4,5% - 5,7%

Công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (Ban hành kèm theo thông tư 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính)

Mẫu B 09 – DNPNT

(b) Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2016			31/12/2015			Giá trị hợp lý VND
	Số lượng	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	
▪ Đầu tư vốn vào công ty con							
- Công ty Cổ phần Bất động sản An Giang	12.000.000	85,71%	85,71%	120.000.000.000	41.324.664.463	120.000.000.000	3.250.458.083 (*)
- Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tài chính Thiên Lang	225.000	100%	100%	2.250.000.000	2.250.000.000	2.250.000.000	2.250.000.000 (*)
▪ Đầu tư vốn vào các đơn vị khác							
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Đà Lạt	2.143.750	15,73%	15,73%	21.437.500.000	-	21.437.500.000	- (*)
- Công ty Cổ phần Thương mại – Dịch vụ Viễn thông và Gia tăng Giá trị	600.000	15,00%	15,00%	6.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000	703.787.218 (*)
- Công ty Cổ phần Đóng tàu và Dịch vụ Dầu khí Vũng Tàu	200.000	1,63%	1,63%	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000 (*)
- Quỹ Y tế Bán Việt Nam						4.367.000.000	- (*)
				151.687.500.000	51.574.664.463	156.054.500.000	8.204.245.301

(*) Công ty không xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính dài hạn này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư 232 hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính dài hạn này có thể khác với giá trị ghi sổ.

6. Các khoản phải thu

(a) Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Các khoản phải thu về hợp đồng bảo hiểm bao gồm:

	31/12/2016	31/12/2015
	VND	VND
Phải thu phí bảo hiểm gốc	13.363.523.625	34.393.555.232
Phải thu phí nhận tái bảo hiểm	578.430.517	3.266.283.560
Phải thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	14.379.976.283	6.743.856.028
	<hr/>	<hr/>
	28.321.930.425	44.403.694.820

Các khoản phải thu khác của khách hàng bao gồm:

	31/12/2016	31/12/2015
	VND	VND
Phải thu từ lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	1.477.875.004	2.226.909.448
Phải thu từ cổ tức	-	1.826.610.485
Phải thu khác	241.509.849	221.999.997
	<hr/>	<hr/>
	1.719.384.853	4.275.519.930

Phải thu về hợp đồng bảo hiểm bao gồm các khoản phải thu các công ty liên quan như sau:

	31/12/2016	31/12/2015
	VND	VND
Phải thu từ các công ty liên quan khác		
▪ Hoạt động kinh doanh bảo hiểm	10.212.762.042	2.165.906.084
	<hr/>	<hr/>

Khoản phải thu về hợp đồng bảo hiểm từ các công ty liên quan khác không có đảm bảo, không tính lãi và có thể thu được khi có yêu cầu.

Công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết
thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DNPNT
(Ban hành kèm theo thông tư
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm
2012 của Bộ Tài chính)

(b) Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2016	31/12/2015
	VND	VND
Phải thu từ Công ty Cổ phần Tập đoàn ASV	108.325.713.534	108.325.713.534
Phải thu từ Ông Lê Toàn	23.536.056.666	23.536.056.666
Phải thu từ Công ty Cổ phần Bất động sản An Giang	6.776.054.043	7.106.054.043
Phải thu từ Công ty Cổ phần Dịch vụ Công nghiệp Ô tô Việt Nam – AAA Logistic	1.509.350.000	1.509.350.000
Phải thu khác	3.291.857.563	7.915.841.084
	<hr/>	<hr/>
	143.439.031.806	148.393.015.327
	<hr/>	<hr/>

(c) Phải thu dài hạn khác

	31/12/2016	31/12/2015
	VND	VND
Ký quỹ bảo hiểm (i)	6.000.000.000	6.000.000.000
Phải thu dài hạn khác	3.867.134.585	3.875.727.671
	<hr/>	<hr/>
	9.867.134.585	9.875.727.671
	<hr/>	<hr/>

- (i) Theo Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 1 tháng 7 năm 2016 ("Nghị định 73") do Chính phủ Việt Nam ban hành, Công ty được yêu cầu phải ký quỹ bảo hiểm bắt buộc tại một ngân hàng thương mại được cấp phép tại Việt Nam bằng 2% vốn pháp định. Tiền ký quỹ bảo hiểm bắt buộc không được phép rút ra cho đến khi chấm dứt hoạt động kinh doanh hoặc khi có sự chấp thuận của Bộ Tài chính. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và 2015, Công ty duy trì khoản tiền ký quỹ bảo hiểm bắt buộc tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA

Mẫu B 09 – DNPNT
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (Ban hành kèm theo thông tư 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính)

(d) Dự phòng phải thu khó đòi

	31/12/2016		31/12/2015		Giá trị có thể thu hồi VND
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	
Các khoản phải thu ngắn hạn					
Phải thu phí bảo hiểm gốc	5.120.194.211	3.625.391.597	1.494.802.614	24.272.180.565	2.637.226.193
Phải thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	903.929.326	847.674.144	56.255.182	859.059.738	398.987.617
Trả trước cho người bán	-	-	-	1.190.861.836	14.806.129
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	141.052.448.773	106.239.973.326	34.812.475.447	145.470.603.051	65.578.964.205
	147.076.572.310	110.713.039.067	36.363.533.243	171.792.705.190	68.629.984.144
Các khoản phải thu dài hạn					
Phải thu dài hạn khác	244.000.000	244.000.000	-	244.000.000	-
	147.320.572.310	110.957.039.067	36.363.533.243	172.036.705.190	68.629.984.144

7. Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2016	31/12/2015
	VND	VND
Chi phí hoa hồng chưa phân bổ (i)	20.053.159.386	19.479.147.452
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.203.047.582	2.360.268.061
	<hr/>	<hr/>
	21.256.206.968	21.839.415.513
	<hr/>	<hr/>

(i) Biến động chi phí hoa hồng chưa phân bổ trong năm như sau:

	2016	2015
	VND	VND
Số dư đầu năm	19.479.147.452	21.675.063.716
Tăng trong năm	31.091.672.021	29.609.865.813
Phân bổ trong năm	(30.517.660.087)	(31.805.782.077)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	20.053.159.386	19.479.147.452
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA

Mẫu B 09 – DNPNT
(Ban hành kèm theo thông tư 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính)

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

8. Tài sản cố định hữu hình

2016	Năng cấp tài sản thuê VND	Thiết bị máy vi tính VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Tổng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	512.988.040	14.093.771.172	10.386.649.178	5.689.324.282	1.876.836.543	32.559.569.215
Tăng trong năm	-	502.500.000	-	-	30.454.545	532.954.545
Thanh lý	(512.988.040)	-	(920.000.000)	(1.454.766.336)	(1.494.161.217)	(4.381.915.593)
Số dư cuối năm	-	14.596.271.172	9.466.649.178	4.234.557.946	413.129.871	28.710.608.167
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	512.988.040	4.706.627.251	10.206.386.661	5.048.707.930	1.493.095.170	21.967.805.052
Khấu hao trong năm	-	1.135.238.457	110.805.756	145.780.008	13.107.288	1.404.931.509
Thanh lý	(512.988.040)	-	(920.000.000)	(1.454.766.336)	(1.494.161.217)	(4.381.915.593)
Số dư cuối năm	-	5.841.865.708	9.397.192.417	3.739.721.602	12.041.241	18.990.820.968
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	-	9.387.143.921	180.262.517	640.616.352	383.741.373	10.591.764.163
Số dư cuối năm	-	8.754.405.464	69.456.761	494.836.344	401.088.630	9.719.787.199

Công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA

Mẫu B 09 – DNPNT
 (Ban hành kèm theo thông tư 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính)

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
 (tiếp theo)

8. Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)

2015	Nâng cấp tài sản thuế VND	Thiết bị máy vi tính VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Tổng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	883.364.440	13.777.339.252	10.703.081.098	5.713.987.964	2.533.688.568	33.611.461.322
Thanh lý	-	-	-	-	(130.403.250)	(130.403.250)
Phân loại lại	-	316.431.920	(316.431.920)	-	-	-
Xóa sổ	(370.376.400)	-	-	(24.663.682)	(526.448.775)	(921.488.857)
Số dư cuối năm	512.988.040	14.093.771.172	10.386.649.178	5.689.324.282	1.876.836.543	32.559.569.215
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	863.034.326	3.287.122.355	9.659.062.834	4.813.257.167	2.403.997.740	21.026.474.422
Khấu hao trong năm	14.908.762	1.103.072.976	439.120.625	260.114.445	166.433.796	1.983.650.604
Thanh lý	-	-	-	-	(130.403.250)	(130.403.250)
Phân loại lại	-	316.431.920	108.203.202	-	(424.635.122)	-
Xóa sổ	(364.955.048)	-	-	(24.663.682)	(522.297.994)	(911.916.724)
Số dư cuối năm	512.988.040	4.706.627.251	10.206.386.661	5.048.707.930	1.493.095.170	21.967.805.052
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	20.330.114	10.490.216.897	1.044.018.264	900.730.797	129.690.828	12.584.986.900
Số dư cuối năm	-	9.387.143.921	180.262.517	640.616.352	383.741.373	10.591.764.163

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 có các tài sản có nguyên giá 16.855 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (31/12/2015: 16.729 triệu VND).

9. Tài sản cố định vô hình

2016	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	2.475.746.000	36.478.972.942	38.954.718.942
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	5.166.980.410	5.166.980.410
Số dư cuối năm	2.475.746.000	41.645.953.352	44.121.699.352
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	34.910.590.901	34.910.590.901
Khấu hao trong năm	-	718.399.524	718.399.524
Số dư cuối năm	-	35.628.990.425	35.628.990.425
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	2.475.746.000	1.568.382.041	4.044.128.041
Số dư cuối năm	2.475.746.000	6.016.962.927	8.492.708.927
2015			
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	2.475.746.000	34.426.752.371	36.902.498.371
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	2.052.220.571	2.052.220.571
Số dư cuối năm	2.475.746.000	36.478.972.942	38.954.718.942
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	34.192.191.377	34.192.191.377
Khấu hao trong năm	-	718.399.524	718.399.524
Số dư cuối năm	-	34.910.590.901	34.910.590.901
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	2.475.746.000	234.560.994	2.710.306.994
Số dư cuối năm	2.475.746.000	1.568.382.041	4.044.128.041

Bao gồm trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 có các tài sản có nguyên giá 34.083 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (31/12/2015: 34.083 triệu VND).

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Biến động của chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm như sau:

	2016 VND	2015 VND
Số dư đầu năm	5.166.980.410	6.814.639.983
Tăng trong năm	-	404.560.998
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(5.166.980.410)	(2.052.220.571)
Số dư cuối năm	-	5.166.980.410

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm:

	31/12/2016 VND	31/12/2015 VND
Dự án IBM Lotus	-	3.154.003.800
Dự án hệ thống kế toán	-	301.383.420
Dự án hệ thống và phần mềm khác	-	1.701.220.190
Tài sản cố định khác	-	10.373.000
	-	5.166.980.410

11. Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá

2016	Quyền sử dụng đất VND	Nhà cửa VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	95.364.284.391	18.511.064.595	113.875.348.986
Dự phòng giảm giá	(2.430.248.325)	(12.897.166.929)	(15.327.415.254)
Số dư cuối năm	92.934.036.066	5.613.897.666	98.547.933.732
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm/cuối năm	-	1.665.995.798	1.665.995.798
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	95.364.284.391	16.845.068.797	112.209.353.188
Số dư cuối năm	92.934.036.066	3.947.901.868	96.881.937.934
2015			
Quyền sử dụng đất VND			
Nhà cửa VND			
Tổng VND			
Nguyên giá			
Số dư đầu năm/cuối năm	95.364.284.391	18.511.064.595	113.875.348.986
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm/cuối năm	-	1.665.995.798	1.665.995.798
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm/cuối năm	95.364.284.391	16.845.068.797	112.209.353.188

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá của Công ty được xác định bởi Ban Giám đốc của Công ty và đơn vị định giá độc lập là 99.828 triệu VND (31/12/2015: không được xác định). Theo đó, Công ty đã lập dự phòng giảm giá cho các bất động sản đầu tư có giá trị hợp lý thấp hơn giá trị sổ sách.

Bao gồm trong quyền sử dụng đất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 có quyền sử dụng đất tại xã Long Tân, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai (“Dự án Long Tân”) có giá trị ghi sổ là 90.205.540.000 VND (31/12/2015: 90.205.540.000 VND). Vào ngày 28 tháng 11 năm 2010, Công ty đã ký hợp đồng để chuyển nhượng quyền phát triển Dự án Long Tân cho Công ty TNHH Đầu tư Phạm Gia (“Công ty Phạm Gia”). Tổng giá trị của hợp đồng chuyển nhượng này là 137.146.510.000 VND, trong đó số tiền thanh toán đợt đầu trị giá 10.000.000.000 VND đã được Công ty Phạm Gia thanh toán cho Công ty vào tháng 12 năm 2010 (Thuyết minh 16(ii)). Công ty chưa ghi nhận giao dịch chuyển nhượng này do các điều kiện dừng ghi nhận Dự án Long Tân chưa được thỏa mãn.

12. Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ dụng cụ	
	2016	2015
	VND	VND
Số dư đầu năm	4.299.804.742	6.556.147.417
Tăng trong năm	429.421.292	-
Phân bổ trong năm	(1.847.694.897)	(2.256.342.675)
Số dư cuối năm	2.881.531.137	4.299.804.742

13. Phải trả cho người bán

Các khoản phải trả về hợp đồng bảo hiểm bao gồm:

	31/12/2016	31/12/2015
	VND	VND
Phải trả về bảo hiểm gốc	15.521.697.567	19.359.176.762
Phải trả phí nhượng tái bảo hiểm	9.877.184.932	9.855.614.976
Phải trả bồi thường nhận tái bảo hiểm	1.890.909.135	3.371.835.810
	27.289.791.634	32.586.627.548

Phải trả về hợp đồng bảo hiểm bao gồm các khoản phải trả các công ty liên quan như sau:

	31/12/2016	31/12/2015
	VND	VND
Phải trả các công ty liên quan khác		
▪ Hoạt động kinh doanh bảo hiểm	8.228.332.856	6.029.489.682

Phải trả về hợp đồng bảo hiểm cho các công ty liên quan khác không có đảm bảo, không chịu lãi và được hoàn trả khi có yêu cầu.

Các khoản phải trả khác cho người bán bao gồm:

	31/12/2016	31/12/2015
	VND	VND
Phải trả cho các nhà cung cấp	4.274.418.284	3.616.848.031
Phải trả khác	249.255.524	275.247.817
	4.523.673.808	3.892.095.848

Công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết
thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DNPNT
(Ban hành kèm theo thông tư
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm
2012 của Bộ Tài chính)

14. Thuế phải nộp Nhà nước

	31/12/2016 VND	31/12/2015 VND
Thuế giá trị gia tăng	5.116.309.981	3.608.951.094
Thuê thu nhập cá nhân	1.099.896.094	875.418.807
Thuế khác	4.307.047	4.729.616
	<hr/> 6.220.513.122	<hr/> 4.489.099.517

15. Chi phí phải trả

	31/12/2016 VND	31/12/2015 VND
Tiền lương và thưởng	7.502.045.598	9.291.671.963
Đóng góp quỹ phòng cháy chữa cháy	1.498.779.806	1.655.243.452
Các chi phí phải trả khác	2.016.073.712	443.619.353
	<hr/> 11.016.899.116	<hr/> 11.390.534.768

16. Các khoản phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2016 VND	31/12/2015 VND
Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng (i)	3.884.309.659	3.476.950.656
Phải trả khác (ii)	22.473.615.340	25.200.451.165
	<hr/> 26.357.924.999	<hr/> 28.677.401.821

(i) Biến động doanh thu hoa hồng chưa được hưởng trong năm như sau:

	2016 VND	2015 VND
Số dư đầu năm	3.476.950.656	3.855.623.685
Tăng trong năm	6.954.433.901	5.781.992.550
Phân bổ trong năm	(6.547.074.898)	(6.160.665.579)
	<hr/> 3.884.309.659	<hr/> 3.476.950.656

Công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết
thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DNPNT
(Ban hành kèm theo thông tư
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm
2012 của Bộ Tài chính)

(ii) Phải trả ngắn hạn khác bao gồm:

	31/12/2016	31/12/2015
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	232.929.098	259.538.160
Bảo hiểm y tế	36.793.191	98.530.710
Phải trả ngắn hạn khác	22.203.893.051	24.842.382.295
<i>Trong đó:</i>		
▪ <i>Tạm ứng từ Công ty TNHH Đầu tư Phạm Gia (*)</i>	<i>10.000.000.000</i>	<i>10.000.000.000</i>
▪ <i>Phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng</i>	<i>34.078.608</i>	<i>5.008.592.596</i>
▪ <i>Thuế thu nhập cá nhân của các đại lý</i>	<i>2.820.004.385</i>	<i>2.737.999.242</i>
▪ <i>Thuế thu nhập cá nhân của các nhân viên kinh doanh</i>	<i>1.893.561.827</i>	<i>1.629.251.440</i>
▪ <i>Phải trả khác</i>	<i>7.456.248.231</i>	<i>5.466.539.017</i>
	<hr/>	<hr/>
	22.473.615.340	25.200.451.165

(*) Khoản này phản ánh số tiền thanh toán đợt 1 của Công ty TNHH Đầu tư Phạm Gia cho hợp đồng đã ký với Công ty liên quan đến việc chuyển nhượng quyền phát triển Dự án Long Tân (Thuyết minh 11).

17. Dự phòng nghiệp vụ

(a) Dự phòng bồi thường và dự phòng phí chưa được hưởng

Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm VND (1)	Dự phòng nhượng tái bảo hiểm VND (2)	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm thuần VND (3) = (1) – (2)
Dự phòng bồi thường (i)	54.877.663.058	9.638.386.652	45.239.276.406
▪ Dự phòng cho các yêu cầu đòi bồi thường chưa giải quyết	46.443.680.290	8.784.315.776	37.659.364.514
▪ Dự phòng IBNR	8.433.982.768	854.070.876	7.579.911.892
Dự phòng phí chưa được hưởng (ii)	163.797.060.534	12.163.070.409	151.633.990.125
	218.674.723.592	21.801.457.061	196.873.266.531
Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm VND (1)	Dự phòng nhượng tái bảo hiểm VND (2)	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm thuần VND (3) = (1) – (2)
Dự phòng bồi thường (i)	55.010.473.442	21.647.343.372	33.363.130.070
▪ Dự phòng cho các yêu cầu đòi bồi thường chưa giải quyết	46.887.210.640	20.857.629.382	26.029.581.258
▪ Dự phòng IBNR	8.123.262.802	789.713.990	7.333.548.812
Dự phòng phí chưa được hưởng (ii)	161.154.233.607	11.149.868.053	150.004.365.554
	216.164.707.049	32.797.211.425	183.367.495.624

(i) Biến động dự phòng bồi thường trong năm như sau:

2016	Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm VND (1)	Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm VND (2)	Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm thuần VND (3) = (1) – (2)
Số dư đầu năm (Hoàn nhập)/trích lập dự phòng trong năm	55.010.473.442 (132.810.384)	21.647.343.372 (12.008.956.720)	33.363.130.070 11.876.146.336
Số dư cuối năm	54.877.663.058	9.638.386.652	45.239.276.406

Công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết
thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DNPNT
(Ban hành kèm theo thông tư
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm
2012 của Bộ Tài chính)

2015	Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm VND (1)	Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm VND (2)	Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm thuần VND (3) = (1) – (2)
Số dư đầu năm (Hoàn nhập)/trích lập dự phòng trong năm	55.995.373.109 (984.899.667)	15.737.012.330 5.910.331.042	40.258.360.779 (6.895.230.709)
Số dư cuối năm	55.010.473.442	21.647.343.372	33.363.130.070

(ii) Biến động dự phòng phí chưa được hưởng trong năm như sau:

2016	Dự phòng phí chưa được hưởng cho phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm VND (1)	Dự phòng phí chưa được hưởng cho phí nhượng tái bảo hiểm VND (2)	Dự phòng phí chưa được hưởng thuần VND (3) = (1) – (2)
Số dư đầu năm Trích lập dự phòng trong năm	161.154.233.607 2.642.826.927	11.149.868.053 1.013.202.356	150.004.365.554 1.629.624.571
Số dư cuối năm	163.797.060.534	12.163.070.409	151.633.990.125

2015	Dự phòng phí chưa được hưởng cho phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm VND (1)	Dự phòng phí chưa được hưởng cho phí nhượng tái bảo hiểm VND (2)	Dự phòng phí chưa được hưởng thuần VND (3) = (1) – (2)
Số dư đầu năm Hoàn nhập dự phòng trong năm	208.724.024.274 (47.569.790.667)	12.299.256.900 (1.149.388.847)	196.424.767.374 (46.420.401.820)
Số dư cuối năm	161.154.233.607	11.149.868.053	150.004.365.554

Công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết
thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DNPNT
(Ban hành kèm theo thông tư
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm
2012 của Bộ Tài chính)

(b) Dự phòng dao động lớn

	2016 VND	2015 VND
Số dư đầu năm	30.273.726.225	29.686.855.298
Trích lập dự phòng trong năm	2.526.637.301	2.444.516.271
Sử dụng dự phòng trong năm	(1.661.522.869)	(1.857.645.344)
Số dư cuối năm	31.138.840.657	30.273.726.225

(c) Tài sản tái bảo hiểm

	31/12/2016 VND	31/12/2015 VND
Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	12.163.070.409	11.149.868.053
Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	9.638.386.652	21.647.343.372
	21.801.457.061	32.797.211.425

Công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết
thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DNPNT
(Ban hành kèm theo thông tư
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm
2012 của Bộ Tài chính)

18. Vốn chủ sở hữu

(a) Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ dự trữ bắt buộc VND	Lỗ lũy kế VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	812.949.650.000	67.502.652.000	57.045.754	(540.639.915.670)	339.869.432.084
Lỗ thuần trong năm	-	-	-	(28.632.090.637)	(28.632.090.637)
Số dư ngày 1 tháng 1 năm 2016	812.949.650.000	67.502.652.000	57.045.754	(569.272.006.307)	311.237.341.447
Lỗ thuần trong năm	-	-	-	(133.670.097.707)	(133.670.097.707)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	812.949.650.000	67.502.652.000	57.045.754	(702.942.104.014)	177.567.243.740

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, vốn chủ sở hữu của Công ty đã thấp hơn mức vốn yêu cầu tối thiểu đối với công ty bảo hiểm phi nhân thọ theo Nghị định 73. Ban Giám đốc Công ty đang thực hiện kế hoạch phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn. Việc phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn của Công ty sẽ được thực hiện sau khi có nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông trong tháng 4 năm 2017.

(b) Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2016		31/12/2015	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	81.294.965	812.949.650.000	81.294.965	812.949.650.000
Vốn cổ phần đã phát hành Cổ phiếu phổ thông	81.294.965	812.949.650.000	81.294.965	812.949.650.000
Số cổ phiếu đang lưu hành Cổ phiếu phổ thông	81.294.965	812.949.650.000	81.294.965	812.949.650.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết
thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DNPNT
(Ban hành kèm theo thông tư
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm
2012 của Bộ Tài chính)

Danh sách các cổ đông của Công ty như sau:

	Tại ngày 31/12/2016 và 31/12/2015	
	Vốn cổ phần VND	Tỷ lệ sở hữu %
IAG International PTY LTD	513.541.610.000	63,17%
Bank Invest Private Equity New Market K/S	90.134.950.000	11,09%
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam	59.276.200.000	7,29%
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội	39.517.470.000	4,86%
Ông Đinh Nam Thắng	14.333.780.000	1,76%
Các cổ đông khác	96.145.640.000	11,83%
	<hr/>	
	812.949.650.000	100%

(c) Quỹ dự trữ bắt buộc

Công ty không trích dự trữ bắt buộc vì Công ty phát sinh lỗ cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 và 2015.

Công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết
thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DNPNT
(Ban hành kèm theo thông tư
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm
2012 của Bộ Tài chính)

19. Doanh thu phí bảo hiểm

(a) Phí bảo hiểm gốc

	2016 VND	2015 VND
Bảo hiểm sức khỏe và tai nạn con người	80.822.269.781	55.577.904.552
Bảo hiểm xe cơ giới	160.383.312.698	176.644.031.995
Bảo hiểm cháy, nổ	18.960.053.885	18.325.692.087
Bảo hiểm tài sản và thiệt hại	9.479.217.136	8.021.851.728
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyên	5.893.002.398	3.491.700.874
Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự chủ tàu	3.169.795.004	3.304.664.332
Bảo hiểm trách nhiệm chung	1.499.992.269	1.304.264.428
	<hr/>	<hr/>
	280.207.643.171	266.670.109.996

(b) Phí nhận tái bảo hiểm

	2016 VND	2015 VND
Bảo hiểm xe cơ giới	-	173.193.216
Bảo hiểm cháy, nổ	77.395.620	944.312.813
Bảo hiểm tài sản và thiệt hại	827.067.536	2.754.923.776
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyên	2.627.992	857.222
Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự chủ tàu	(13.872.971)	68.958.143
Bảo hiểm trách nhiệm chung	-	37.827.772
Bảo hiểm hàng không	(1.392.683)	125.243.646
Bảo hiểm xăng dầu	33.290.463	-
	<hr/>	<hr/>
	925.115.957	4.105.316.588

20. Phí nhượng tái bảo hiểm

	2016 VND	2015 VND
Bảo hiểm xe cơ giới	7.447.282.917	7.104.798.655
Bảo hiểm cháy, nổ	10.799.406.350	11.078.546.248
Bảo hiểm tài sản và thiệt hại	5.246.117.841	4.353.750.028
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyên	3.298.643.449	1.908.188.564
Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự chủ tàu	1.598.337.971	1.670.131.457
Bảo hiểm trách nhiệm chung	79.240.746	208.384.710
	<hr/>	<hr/>
	28.469.029.274	26.323.799.662

Công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết
thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DNPNT
(Ban hành kèm theo thông tư
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm
2012 của Bộ Tài chính)

21. Chi bồi thường

	2016	2015
	VND	VND
<i>Chi bồi thường</i>		
Bảo hiểm sức khỏe và tai nạn con người	6.957.099.229	4.532.466.021
Bảo hiểm xe cơ giới	60.314.536.011	55.601.207.755
Bảo hiểm cháy, nổ	18.122.509.962	5.530.951.951
Bảo hiểm tài sản và thiệt hại	2.785.277.140	3.491.194.705
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	152.625.878	78.141.694
Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự chủ tàu	316.687.224	2.278.466.463
Bảo hiểm trách nhiệm chung	-	557.341
Bảo hiểm hàng không	31.486.802	24.264.665
Bảo hiểm xăng dầu	67.211.897	-
	<hr/>	<hr/>
	88.747.434.143	71.537.250.595
<i>Trừ đi các khoản giảm trừ bồi thường</i>		
Bảo hiểm trách nhiệm chung	(11.885.058)	-
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	-	(40.890.000)
	<hr/>	<hr/>
	(11.885.058)	(40.890.000)
	<hr/>	<hr/>
	88.735.549.085	71.496.360.595

22. Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm

	2016	2015
	VND	VND
Hoa hồng bảo hiểm gốc	30.209.082.434	31.007.923.267
Hoa hồng nhận tái bảo hiểm	308.577.653	797.858.810
Chi phí dịch vụ thuê ngoài	65.674.654.678	56.350.133.949
Lương và chi phí liên quan	34.521.943.069	43.956.177.613
Quỹ bảo hiểm bắt buộc	1.352.271.160	1.518.949.090
Dụng cụ, thiết bị văn phòng	374.224.000	692.945.608
Chi phí khác	1.829.336.664	748.024.332
	<hr/>	<hr/>
	134.270.089.658	135.072.012.669

Công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết
thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DNPNT
(Ban hành kèm theo thông tư
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm
2012 của Bộ Tài chính)

23. Doanh thu hoạt động tài chính

	2016	2015
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	10.347.423.361	10.927.042.776
Lãi từ đầu tư tài chính dài hạn	-	1.826.610.485
Lãi chênh lệch tỷ giá	32.145.377	201.285.136
	<hr/>	<hr/>
	10.379.568.738	12.954.938.397

24. Chi phí hoạt động tài chính

	2016	2015
	VND	VND
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	43.370.419.162	271.864.201
Lỗ chênh lệch tỷ giá	4.975.618	6.593.770
Chi phí tài chính khác	819.603.170	670.985.830
	<hr/>	<hr/>
	44.194.997.950	949.443.801

25. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2016	2015
	VND	VND
Lương và các chi phí liên quan	43.262.528.760	50.785.943.809
Dịch vụ thuê ngoài	29.423.432.609	34.573.475.572
Dự phòng phải thu khó đòi	30.552.540.877	33.974.799.095
Thuế giá trị gia tăng không được khấu trừ	8.112.347.409	7.785.175.438
Chi phí dụng cụ văn phòng	4.393.083.724	3.278.760.071
Chi phí khấu hao và phân bổ	2.123.331.033	2.702.050.128
Thuế và lệ phí	164.088.777	465.181.371
Chi phí khác	924.877.129	531.513.080
	<hr/>	<hr/>
	118.956.230.318	134.096.898.564

Công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết
thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DNPNT
(Ban hành kèm theo thông tư
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm
2012 của Bộ Tài chính)

26. Chi phí khác

	2016	2015
	VND	VND
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý/xóa sổ	-	9.572.133
Xóa sổ hàng tồn kho	244.259.933	-
Tiền phạt thuế	-	2.354.268.632
Chi phí khác	210.830.163	3.199.582.304
	<hr/>	<hr/>
	455.090.096	5.563.423.069
	<hr/>	<hr/>

27. Thuế thu nhập

(a) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2016	2015
	VND	VND
Lỗi kế toán trước thuế	(133.670.097.707)	(28.632.090.637)
	<hr/>	<hr/>
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	(26.734.019.541)	(6.299.059.940)
Chi phí không được khấu trừ thuế	189.187.724	11.627.430.178
Ảnh hưởng của thay đổi thuế suất	-	170.802.703
Lỗi tính thuế được sử dụng	-	(7.212.449.989)
	<hr/>	<hr/>
	(26.544.831.817)	(1.713.277.048)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận	26.544.831.817	1.713.277.048
	<hr/>	<hr/>
	-	-
	<hr/>	<hr/>

(b) Thuế suất áp dụng

Mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty là 20% (2015: 22%). Việc tính thuế thu nhập doanh nghiệp chịu sự xem xét và chấp thuận của cơ quan thuế.

Công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết
thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DNPNT
(Ban hành kèm theo thông tư
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm
2012 của Bộ Tài chính)

(c) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận bao gồm:

	31/12/2016		31/12/2015	
	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	43.370.419.162	8.674.083.832	-	-
Ghi giảm giá trị bất động sản đầu tư	15.327.415.254	3.065.483.051	-	-
Chênh lệch tỷ giá	4.975.618	995.124	78.593	15.719
Chi phí phải trả	4.018.287.967	803.657.593	8.540.056.583	1.708.011.317
Lỗi tính thuế	132.640.931.677	26.528.186.335	54.097.735.410	10.819.547.082
	195.362.029.678	39.072.405.935	62.637.870.586	12.527.574.118

Lỗi tính thuế hết hiệu lực vào các năm sau:

Năm hết hiệu lực	Tình hình quyết toán	Số lỗi được khấu trừ VND
2017	Đã quyết toán	41.370.059.822
2019	Chưa quyết toán	12.727.675.588
2021	Chưa quyết toán	78.543.196.267
		132.640.931.677

Theo các quy định thuế hiện hành, chênh lệch tạm thời được khấu trừ không bị hết hiệu lực. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận đối với các khoản mục này bởi vì không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Công ty có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục đó.

28. Lỗ cơ bản trên cổ phiếu

Lỗ cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 được tính toán dựa trên lỗ phân bổ cho cổ đông phổ thông là 133.670.097.707 VND (2015: lỗ 28.632.090.637 VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 81.294.965 cổ phiếu (2015: 81.294.965 cổ phiếu), chi tiết như sau:

(i) Lỗ thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2016 VND	2015 VND
Lỗ thuần thuộc về cổ đông phổ thông	(133.670.097.707)	(28.632.090.637)

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2016	2015
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành năm trước mang sang Điều chỉnh	81.294.965	83.607.478
	-	(2.312.513)
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12	81.294.965	81.294.965

(iii) Lỗ cơ bản trên cổ phiếu

	2016 VND/cổ phiếu	2015 VND/cổ phiếu
Lỗ cơ bản trên cổ phiếu	(1.644)	(352)

Công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết
thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DNPNT
(Ban hành kèm theo thông tư
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm
2012 của Bộ Tài chính)

29. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

	Giá trị giao dịch		Phải thu/(phải trả)	
	2016 VND	2015 VND	31/12/2016 VND	31/12/2015 VND
IAG International PTY LTD – công ty mẹ				
Thù lao của chuyên gia nước ngoài chi hộ cho Công ty	4.216.100.440	3.837.741.740	(1.183.757.631)	(751.615.380)
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam – cổ đông lớn				
Thu nhập lãi tiền gửi	277.777.777	2.579.575.555	42.194.444	-
Rút tiền gửi ngắn hạn	10.000.000.000	37.000.000.000	10.000.000.000	20.000.000.000
IAG RE Singapore PTE LTD – công ty liên quan				
Phí nhượng tái bảo hiểm	27.158.630.880	24.621.014.576	(8.228.332.856)	(6.029.489.682)
Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	6.432.476.091	5.476.313.363	1.372.782.009	46.733.358
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	11.875.672.358	2.907.058.386	8.839.980.033	2.119.172.726
Công ty Cổ phần Bất động sản An Giang – công ty con				
Thu nhập lãi	-	-	589.626.797	589.626.797
Tạm ứng cho công ty con	-	198.922.052	6.186.427.246	6.516.636.646
Ban Điều hành và Ban Giám đốc				
Lương và thù lao	5.582.875.129	4.855.256.100	(907.764.400)	(594.531.900)

30. Các công cụ tài chính

(a) Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Ban Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Công ty. Ban Giám đốc thiết lập các chính sách để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Công ty. Thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, ban lãnh đạo nhằm tới mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro tổn thất tài chính của Công ty nếu bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu về hợp đồng bảo hiểm, tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư ngắn hạn và ký quỹ bảo hiểm.

(i) Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Note	31/12/2016 VND	31/12/2015 VND
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	(ii)	125.979.750.045	103.875.688.325
Đầu tư ngắn hạn	(ii)	50.000.000.000	92.000.000.000
Ký quỹ bảo hiểm	(ii)	6.000.000.000	6.000.000.000
Phải thu về hợp đồng bảo hiểm và phải thu khác – gộp	(iii)	177.347.481.669	200.947.957.748
		<hr/>	<hr/>
		359.327.231.714	402.823.646.073

Công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết
thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DNPNT
(Ban hành kèm theo thông tư
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm
2012 của Bộ Tài chính)

(ii) Tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền, đầu tư ngắn hạn và ký quỹ bảo hiểm

Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền, đầu tư ngắn hạn và ký quỹ bảo hiểm của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

(iii) Các khoản phải thu về hợp đồng bảo hiểm và phải thu khác

Rủi ro tín dụng của Công ty chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Ban Giám đốc của Công ty đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được đánh giá riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Công ty đưa ra các điều khoản và điều kiện cung cấp dịch vụ và thanh toán chuẩn cho khách hàng đó. Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của khách hàng.

Tuổi nợ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác đã quá hạn nhưng không bị giảm giá tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2016	31/12/2015
	VND	VND
Quá hạn từ 1 – 30 ngày	6.684.908.184	7.111.932.008
Quá hạn từ 31 – 180 ngày	1.521.808.819	571.967.973
	8.206.717.003	7.683.899.981

Xem Thuyết minh 6(d) đối với chi tiết các khoản phải thu về hợp đồng bảo hiểm và các khoản phải thu khác đã quá hạn và bị giảm giá.

Biến động dự phòng phải thu khó đòi trong năm như sau:

	2016	2015
	VND	VND
Số dư đầu năm	103.406.721.046	69.431.921.951
Trích lập dự phòng trong năm	30.552.540.877	33.974.799.095
Sử dụng dự phòng trong năm	(23.002.222.856)	-
Số dư cuối năm	110.957.039.067	103.406.721.046

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý tài chính của Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Công ty luôn có đủ khả năng để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

Công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết
thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DNPNT
(Ban hành kèm theo thông tư
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm
2012 của Bộ Tài chính)

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Dưới 1 năm VND	1 – 5 năm
Phải trả cho người bán	31.813.465.442	31.813.465.442	31.813.465.442	-
Phải trả người lao động	3.883.195.013	3.883.195.013	3.883.195.013	-
Chi phí phải trả	11.016.899.116	11.016.899.116	11.016.899.116	-
Các khoản phải trả khác	22.533.615.340	22.533.615.340	22.473.615.340	60.000.000
	69.247.174.911	69.247.174.911	69.187.174.911	60.000.000

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Dưới 1 năm VND	1 – 5 năm
Phải trả cho người bán	36.478.723.396	36.478.723.396	36.478.723.396	-
Phải trả người lao động	4.060.655.767	4.060.655.767	4.060.655.767	-
Chi phí phải trả	11.390.534.768	11.390.534.768	11.390.534.768	-
Các khoản phải trả khác	25.344.897.109	25.344.897.109	25.200.451.165	144.445.944
	77.274.811.040	77.274.811.040	77.130.365.096	144.445.944

(d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro tỷ giá hối đoái

Công ty chịu ảnh hưởng rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch có gốc ngoại tệ khác VND, đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty. Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là USD.

Rủi ro tỷ giá hối đoái của Công ty được quản lý bằng cách giữ mức rủi ro ở mức có thể chấp nhận được thông qua việc mua hoặc bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết để xử lý sự mất cân bằng trong ngắn hạn. Ban giám đốc không tham gia vào các giao dịch phòng ngừa tiền tệ vì chi phí cho các công cụ này vượt quá rủi ro tiềm tàng do biến động tỷ giá. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và 2015, ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá đối với Công ty là không trọng yếu.

Công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết
thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DNPNT
(Ban hành kèm theo thông tư
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm
2012 của Bộ Tài chính)

(ii) Rủi ro lãi suất

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Công ty như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2016 VND	31/12/2015 VND
<i>Các công cụ tài chính có lãi suất cố định</i>		
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	125.979.750.045	103.875.688.325
Đầu tư ngắn hạn	50.000.000.000	92.000.000.000
Ký quỹ bảo hiểm	6.000.000.000	6.000.000.000

(e) Giá trị hợp lý

So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại bảng cân đối kế toán riêng, như sau:

	31/12/2016		31/12/2015	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
<i>Được phân loại là tài sản tài chính sẵn sàng để bán:</i>				
▪ Đầu tư vào công ty con	78.675.335.537	(*)	116.749.541.917	(*)
▪ Đầu tư dài hạn khác	21.437.500.000	(*)	31.100.712.782	(*)
<i>Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:</i>				
▪ Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	125.979.750.045	125.979.750.045	103.875.688.325	103.875.688.325
▪ Phải thu của khách hàng	23.848.864.684	(*)	22.308.668.327	(*)
▪ Các khoản phải thu khác	40.822.193.065	(*)	72.133.104.152	(*)
▪ Đầu tư ngắn hạn	50.000.000.000	(*)	92.000.000.000	(*)
▪ Ký quỹ bảo hiểm	6.000.000.000	(*)	6.000.000.000	(*)
<i>Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:</i>				
▪ Phải trả cho người bán	(31.813.465.442)	(*)	(36.478.723.396)	(*)
▪ Phải trả người lao động	(3.883.195.013)	(*)	(4.060.655.767)	(*)
▪ Chi phí phải trả	(11.016.899.116)	(*)	(11.390.534.768)	(*)
▪ Các khoản phải trả khác	(22.533.615.340)	(*)	(25.344.897.109)	(*)

(*) Công ty không xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và Thông tư 232 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

31. Rủi ro bảo hiểm và chính sách quản lý

Rủi ro bảo hiểm chính là rủi ro trách nhiệm bồi thường. Mỗi khoản bồi thường được thông báo sẽ được đánh giá riêng biệt theo từng trường hợp dựa trên từng hoàn cảnh cụ thể, thông tin sẵn có từ các nhà giám định tổn thất và kinh nghiệm quá khứ của các khoản bồi thường tương tự. Các ước tính cho từng khoản bồi thường được kiểm tra thường xuyên và cập nhật khi có thông tin mới phát sinh.

Công ty thực hiện trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm theo các phương pháp được quy định như đã trình bày ở Thuyết minh 3(m).

Các rủi ro theo các hợp đồng bảo hiểm của các sản phẩm thông thường được giới hạn trong vòng 12 tháng.

Để giảm thiểu rủi ro bảo hiểm, Công ty đã thực hiện chính sách lựa chọn rủi ro, định giá theo rủi ro, mức trách nhiệm tối đa và thu xếp các hợp đồng tái bảo hiểm liên quan để hạn chế các tổn thất và tối thiểu hóa phần rủi ro giữ lại của Công ty. Bên cạnh đó, các chính sách đánh giá bồi thường nghiêm ngặt, việc xem xét chi tiết đều đặn, các quy trình xử lý hợp đồng và việc điều tra thường xuyên các khoản bồi thường gian lận là tất cả quy trình và chính sách Công ty đang áp dụng để giảm thiểu rủi ro bảo hiểm.

32. Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê không được hủy ngang như sau:

	31/12/2016	31/12/2015
	VND	VND
Trong vòng một năm	9.054.629.040	12.144.501.224
Trong vòng từ hai đến năm năm	8.449.549.620	19.855.701.868
	<hr/>	<hr/>
	17.504.178.660	32.000.203.092

Công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết
thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

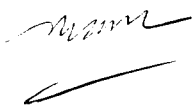
Mẫu B 09 – DNPNT
(Ban hành kèm theo thông tư
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm
2012 của Bộ Tài chính)

33. Các chỉ số tài chính cơ bản

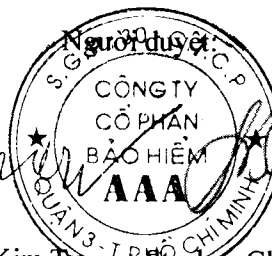
	Đơn vị	31/12/2016	31/12/2015
Cơ cấu tài sản			
Tài sản cố định/Tổng tài sản	%	3,54%	3,06%
Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	55,68%	54,66%
Cơ cấu nguồn vốn			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	65,44%	51,96%
Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	34,56%	48,04%
Khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán nhanh (<i>Tài sản ngắn hạn – Hàng tồn kho</i>)/ <i>Nợ ngắn hạn</i>	<i>lần</i>	0,86	1,06
Khả năng thanh toán hiện hành <i>Tài sản ngắn hạn</i> / <i>Nợ ngắn hạn</i>	<i>lần</i>	0,86	1,06
	Đơn vị	2016	2015
Tỷ suất lợi nhuận			
Lỗ trước thuế/Tổng tài sản	%	-26,02%	-4,42%
Lỗ sau thuế/Doanh thu thuần	%	-53,25%	-9,64%
Lỗ sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	%	-75,28%	-9,20%

Ngày 30 tháng 3 năm 2017

Người lập:



Nguyễn Thị Quỳnh Trâm
 Phó Giám đốc phụ trách Kế toán



Huỳnh Kim Tú
 Giám đốc Tài chính

Stephen Charles Beatty
 Tổng Giám đốc

